TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN T
TP. H
Bản án số: 252/2024/HS - ST
Ngày: 16/12/2024

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN T - THÀNH PHỐ H

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: ***Bà Nguyễn Thị Phương***
Các Hội thẩm nhân dân : ***1. Ông Hoàng Văn Long***
2. Ông Trần Văn Vinh

Thư ký phiên tòa: Bà Vũ Thị Hằng - Thư ký Tòa án nhân dân Huyện T, thành phố H.
Đại diện VKSND Huyện T - TP H tham gia phiên tòa: bà Mai Thị Phượng - Kiểm sát viên.

Ngày 16 tháng 12 năm 2024, tại trụ sở Toà án nhân dân Huyện T, thành phố H, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 253/2024/HS- ST ngày 22/11/2024 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 253/2024/QĐXXST-HS ngày 29/11/2024 đối với bị cáo **Phạm Ngọc T;** Sinh năm 1994 ; tại H; Giới tính: Nam; Nơi ĐKHKTT và chỗ ở: T, L, T, H; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ học vấn: 12/12; con ông Phạm Văn T và bà Nguyễn Thị M; Tiền án, tiền sự: 01 tiền án ngày 10/6/2022, bị tòa án nhân huyện T, H xử phạt 22 tháng tù về tội Tàng trữ trái phép chất ma túy (Bản án số 63/2022/HSST, chấp hành xong hình phạt tù ngày 08/10/2023; chưa được xóa án tích).Nhân thân: Ngày 23/7/2018, bị tòa án nhân huyện T, H xử phạt 17 tháng tù về tội Bắt, giữ người trái pháp luật (Bản án số 114/2018/HSST, chấp hành xong hình phạt tù ngày 15/4/2019,đã được xóa án tích). Bị bắt khẩn cấp, tạm giữ, tạm giam từ ngày 29/8/2024, hiện đang bị áp dụng biện pháp tạm giam tại Trại tạm giam số 2 – Công an TP H (có mặt tại phiên toà).

+ Bị hại: anh Nguyễn Minh Đ, sinh 2004; HKTT: xóm Đ, thôn V, xã T, Huyện T, H (vắng mặt) .

+ Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Bà Nguyễn Thị M, sinh 1958; Trú tại: T, L, T, H (có mặt) .

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 11 giờ 30 ngày 29/8/2024, Phạm Ngọc Tđang đứng trước cửa nhà của T tại T, L, T, H thì thấy anh Nguyễn Minh Đ điều khiển xe máy nhãn hiệu Honda Wave RSX BKS: 29Y5-115.82 đi qua nên T xin anh Đ cho đi nhờ xe. Anh Đ đồng ý và chở T đi được khoảng 50m thì gặp bà Nguyễn Thị M là mẹ đẻ của T đang đi ngược chiều lại thì T bảo anh Đ quay xe lại để chở T về nhà. Khi về đến nhà T bảo anh Đ cho T mượn điện thoại để gọi cho bạn thì anh Đ đồng ý đưa điện thoại nhãn hiệu Iphone 13

promax màu trắng 128Gb của mình cho T mượn. Lúc này, T nảy sinh ý định chiếm đoạt tiền của anh Đ để tiêu sài nên T cầm điện thoại của anh Đ đi vào trong nhà rồi lên tầng 2 lấy 01 con dao bằng kim loại dài khoảng 45cm, bản rộng 4 cm, đầu nhọn, cán gỗ được cuốn bằng cao su đen đặt ra giữa giường sau đó T ngồi cạnh con dao và gọi anh Đ lên với mục đích để đe dọa anh Đ. Khi anh Đ đi lên tầng 2 thì thấy T đang ngồi khoanh chân giữa giường, tay cầm điện thoại của anh Đ và T để một con dao nhọn bên cạnh. Nhìn thấy bên tay phải của T để con dao bên cạnh và thấy T trợn mắt, lườm lườm thì anh Đ hoảng sợ, lùi lại. Thấy anh Đ hoảng sợ thì T cầm con dao để ra phía sau lưng và nói "*anh hứa không làm gì mày đâu" và* bảo anh Đ ngồi xuống giường cạnh T. Sau đó T nói với anh Đ là đang cần 1.000.000 đồng (*một triệu đồng)* để chuộc lại chiếc điện thoại của T đang cầm cố. Anh Đ nghe thấy T nói thế thì xin T *"anh tha cho em, anh cho em xin lại điện thoại, em sinh viên không có tiền, em chỉ có 200.000₫ trong tài khoản*". T nói 200.000 đồng không đủ và tiếp tục yêu cầu anh Đ đưa cho T 1.000.000 đồng. Do lo sợ nên anh Đ đề nghị được gọi điện về cho mẹ của anh Đ để xin tiền thì T đồng ý cầm điện thoại dơ ra, bật loa ngoài để anh Đ nói chuyện với mẹ là bà Phạm Thị Thanh Q (*sinh năm 1984, Nơi cư trú: Tứ Hiệp, T, H*) - là mẹ đẻ của anh Đ). Anh Đ bảo bà Q chuyển khoản cho anh số tiền 500.000 đồng. Khi thấy anh Đnhận được tiền thì T đưa lại điện thoại cho Đ rồi T đọc số tài khoản của T và bảo anh Đ "*chuyển cho anh sáu trăm cũng được".* Anh Đ đã buộc phải chuyển từ số tài khoản 0964246382 ngân hàng MB của anh số tiền 600.000₫ (*Sáu trăm nghìn đồng)* đến số tài khoản 9704229207968780 ngân hàng Vietcombank của Phạm Ngọc T. Sau khi chuyển tiền xong thì T bảo anh Đ chở ra cửa hàng sửa chữa điện thoại tên "Trần Tú" ở Đông Mỹ, T, H để chuộc lại điện thoại của T đã cầm cố trước đó. Đến nơi, T chuộc lại điện thoại hết 470.000₫ (*Bốn trăm bảy mươi nghìn đồng)* rồi T tiếp tục bảo anh Đ chở về nhà để lấy sim điện thoại. Khi về đến nhà T thì T cho anh Đ số điện thoại và bảo anh Đ nhắn tin số tài khoản của anh Đ sang đó để khi nào có tiền sẽ trả lại cho anh Đ. Anh Đlàm theo yêu cầu của T rồi đi về nhà. Sau đó, anh Đđến Công an xã L, huyện T trình báo.

Cơ quan công an đã tạm giữ của bà Nguyễn Thị M– là mẹ đẻ của T 01 con dao bằng kim loại dài khoảng 45cm, bản rộng 4 cm, đầu nhọn, cán gỗ được cuốn bằng cao su đen.

Tại cơ quan điều tra, Phạm Ngọc T khai nhận hành vi phạm tội như đã nêu trên; T khai mục đích giữ điện thoại của anh Đnhằm ép anh Đđưa số tiền 1.000.000 đồng cho T, nhưng do anh Đkhông đủ tiền nên T chỉ yêu cầu anh Đchuyển khoản 600.000 đồng; T không có ý định chiếm đoạt chiếc điện thoại của anh Đ; lời khai của T phù hợp với lời khai của anh Nguyễn Minh Đ và các tài liệu do Cơ quan điều tra thu thập được.

Đối với 01 con dao đã tạm giữ của bà M, cần tiếp tục tạm giữ để giải quyết theo quy định của pháp luật.

Về dân sự: gia đình Phạm Ngọc T đã tự nguyện bồi thường số tiền 600.000 đồng cho anh Nguyễn Minh Đức, anh Đđã nhận đủ tiền và không yêu cầu đề nghị gì về dân sự.

Bản cáo trạng số 247/CT - VKSTT ngày 15.11.2024 của Viện kiểm sát nhân dân Huyện T đã truy tố bị cáo Phạm Văn T đã phạm tội " Cưỡng đoạt tài sản" theo quy định tại khoản 1 Điều 170 Bộ luật hình sự.

Tại phiên toà:

* Bị cáo thành khẩn khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình, bị cáo nhận thức được hành vi phạm tội của mình là sai, vi phạm pháp luật. Khi được nói lời sau cùng bị cáo đã thể hiện thái độ ăn năn hối cải và đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

* Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Huyện T giữ nguyên quan điểm đã truy tố đối với bị cáo và đề nghị Hội đồng xét xử: Áp dụng khoản 1 điều 170, điểm b, s khoản 1 Điều 51, điểm h khoản 1 Điều 52; Điều 38 Bộ luật hình sự, xử phạt bị cáo từ 20-24 tháng tù. Không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo. Tịch thu tiêu huỷ con dao bằng kim loại dài khoảng 45cm, bản rộng 4cm, đầu nhọn, cán gỗ cuốn bằng cao su đen. Bị cáo phải nộp án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an Huyện T, Điều tra Viên, Viện kiểm sát nhân dân Huyện T, Kiểm sát viên: Trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về tội danh của bị cáo: xét lời khai của bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai của bị cáo, bị hại tại cơ quan điều tra và các tài liệu chứng cứ được thu thập trong hồ sơ vụ án, có đủ cơ sở xác định: Khoảng 12h00 ngày 29/8/2024, tại tầng 2 nhà riêng của Phạm Ngọc T ở Thọ Am, L, T, H, T đã dùng thủ đoạn uy hiếp tinh thần anh Nguyễn Minh Đức và đã chiếm đoạt của anh Đsố tiền 600.000 đồng. Hành vi của bị cáo đã phạm vào tội " Cưỡng đoạt tài sản " được quy định tại khoản 1 Điều 170 Bộ luật hình sự.Viện kiểm sát nhân dân Huyện T truy tố bị cáo ra trước Tòa án để xét xử theo tội danh và điều luật đã viện dẫn là có căn cứ pháp luật.

Tính chất, hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội. Bị cáo là người có đầy đủ năng lực trách nhiệm hình sự và nhận thức được hành vi cưỡng đoạt tài sản của người khác là bất hợp pháp. Do đó, cần thiết phải xử lý bằng pháp luật hình sự, khi áp dụng hình phạt xét bị cáo nhân thân xấu đã được pháp luật cải tạo nhiều lần nhưng vẫn tiếp tục thực hiện hành vi phạm tội với lỗi cố ý nên phải cách ly bị cáo ra khỏi xã hội thời gian tương ứng với hành vi phạm tội của bị cáo mới đủ tác dụng răn đe, giáo dục và phòng ngừa chung. Do bị cáo không có việc làm ổn định nên không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

- Tình tiết tăng nặng: Bị cáo phạm tội thuộc trường hợp tái phạm là tình tiết tăng nặng quy định tại điểm h khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự.

- Tình tiết giảm nhẹ: tại cơ quan điều tra bị cáo thành khẩn khai báo, gia đình bị cáo đã tự nguyện bồi thường khắc phục hậu quả là tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm b,s khoản 1Điều 51 Bộ luật hình sự.

[4] Về nhân thân bị cáo: Bị cáo có 01 tiền án đã được xoá án tích và 01 tiền án chưa được xoá thể hiện bị cáo có nhân thân xấu.

[5] Về bồi thường dân sự: anh Đ đã nhận lại số tiền 600.000 đồng và không còn yêu cầu gì khác nên hội đồng xét xử không xem xét.

Quan điểm của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Huyện T tại phiên tòa phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên chấp nhận.

[6] Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí HSST theo các điều 135, 136 Bộ luật tố tụng hình sự và Nghị quyết số 326/UBTVQH14 ngày 31/12/2016 của UBTV Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

[7] Về quyền kháng cáo: Bị cáo, bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo bản án theo Điều 331, 334 Bộ luật tố tụng hình sự.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

1.Tuyên bố: Bị cáo Phạm Ngọc T phạm tội " Cưỡng đoạt tài sản ".

2. Áp dụng: khoản 1 Điều 170; điểm b,s khoản 1Điều 51, điểm h khoản 1 Điều 52; Điều 38 của Bộ luật hình sự.

***Xử phạt**: Bị cáo Phạm Ngọc T 20 tháng tù.Thời hạn tù tính từ ngày 29/08/2024.

3. Về áp dụng biện pháp tư pháp, xử lý vật chứng: Áp dụng Điều 47 Bộ luật hình sự; Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự: Tịch thu tiêu huỷ con dao bằng kim loại dài khoảng 45cm, bản rộng 4cm, đầu nhọn, cán gỗ cuốn bằng cao su đen (Theo biên bản giao nhận vật chứng ngày 02 tháng 12 năm 2024 của Chi cục thi hành án Dân sự).

4. Về án phí: Căn cứ các điều 135, 136 Bộ luật tố tụng hình sự và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội về mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án: Bị cáo phải chịu 200.000đ án phí hình sự sơ thẩm.

5. Về quyền kháng cáo: Căn cứ các điều 331, 333 Bộ luật tố tụng hình sự: Bị cáo có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Bị hại có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày được tống đạt bản án hoặc bản án được niêm yết.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo những vấn đề liên quan trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 9 Luật thi hành án dân sự ; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo điều 30 Luật thi hành án dân sự.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Thị Phương

Nơi nhận:
- *Viện kiểm sát nhân dân TP H;*
- *Viện kiểm sát nhân dân H. T, TP H;*
- *Công an Huyện T, TP H;*
- *Cơ sở giam giữ;*
- *Cơ quan Thi hành án hình sự H.T, H;*
- *Chi cục Thi hành án dân sự H. T, H;*
- *Bị cáo.*